



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 30

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 08-4-2015 - Chỉ thị số 07/2015/CT-UBND triển khai thực hiện Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 3
- 21-4-2015 - Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 7

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 30-3-2015 - Quyết định số 1363/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 14

- 31-3-2015 - Quyết định số 1412/QĐ-UBND về phê duyệt Điều lệ của Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh. 29
- 01-4-2015 - Quyết định số 1419/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2015 - 2016. 43
- 02-4-2015 - Quyết định số 1453/QĐ-UBND về duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2015 của dự án hỗ trợ kỹ thuật “Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều khu vực đô thị Thành phố Hồ Chí Minh” do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP Việt Nam) tài trợ. 61
- 20-4-2015 - Quyết định số 1844/QĐ-UBND về hủy bỏ Điều 5 Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 66

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2015/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2015*

### CHỈ THỊ

**Triển khai thực hiện Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội**

Những năm qua, công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành, đoàn thể đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức và nhân dân góp phần thúc đẩy, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trong đó, lực lượng Công an đã làm tốt vai trò nòng cốt trong tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp, phối hợp chặt chẽ các sở, ban ngành, đoàn thể tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận động cán bộ, nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

Tuy nhiên, công tác vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đôi lúc còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định, như: công tác vận động chưa được duy trì thường xuyên, liên tục; nội dung biện pháp thiếu tính sáng tạo, hình thức chưa phong phú... nên chưa thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tích cực tham gia, từ đó làm cho hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, phòng chống tội phạm đạt được có phần còn hạn chế.

Để thực hiện có hiệu quả Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ

gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Thủ trưởng các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân hiểu rõ, thông suốt nội dung Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc"; vận động cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Tham gia xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn về an ninh trật tự; thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"; tạo điều kiện để các cá nhân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật; phối hợp, chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu của cơ quan, cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh, trật tự (Công an, Quân đội) trong áp dụng biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật.

2. Công an Thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị chuyên trách bảo vệ an ninh, trật tự thuộc lực lượng Công an Thành phố phát huy tốt vai trò nòng cốt trong công tác vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

3. Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ đội Biên phòng Thành phố phối hợp Công an Thành phố thực hiện tốt các biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực đóng quân và lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các quận, huyện quan tâm xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng Công an xã theo quy định của Pháp lệnh Công an xã; các mô hình, tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tích cực vận động nhân dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chỉ đạo các tổ chức thành viên tiếp tục phối hợp với lực lượng Công an cùng cấp có biện pháp đẩy mạnh thực hiện các Nghị quyết liên tịch, liên ngành về "Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

trong tình hình mới", "quản lý giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội"... nhằm huy động sức mạnh cả hệ thống chính trị tích cực tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

6. Sở Thông tin và Truyền thông định hướng, theo dõi việc thực hiện công tác tuyên truyền về nội dung vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của các cơ quan báo chí tại Thành phố. Đề nghị các cơ quan báo, đài tuyên truyền sâu rộng về nội dung Nghị định 06/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản có liên quan của Đảng, Nhà nước quy định quyền và nghĩa vụ của công dân trong lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, đưa tin nhằm động viên, cổ vũ, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn Thành phố.

7. Sở Tài chính phối hợp với Công an Thành phố và các đơn vị có liên quan thẩm tra kinh phí đảm bảo thực hiện biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt từ nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ cho Công an Thành phố hoạt động hàng năm; các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Kinh phí thực hiện biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và theo đúng quy định của pháp luật.

8. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố và các Sở, ngành liên quan thực hiện biện pháp vận động cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú, làm việc trên địa bàn Thành phố tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại địa phương.

Giao Công an Thành phố theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nội dung Chỉ thị này; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới và tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Thủ trưởng các cơ quan

trung ương đóng trên địa bàn Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Chi thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2015/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện  
đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 2650/SGTVT-KT ngày 10 tháng 4 năm 2015 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1451/STP-VB ngày 31 tháng 3 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

#### **1. Đối tượng chịu phí:**

a) Phương tiện xe mô tô bao gồm xe mô tô hai bánh, xe gắn máy (gọi tắt là xe mô tô, không bao gồm xe máy điện) có đăng ký biển số xe tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc xe đăng ký biển số xe tại địa phương khác nhưng hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Không thu phí tương ứng với thời gian đã nộp phí đối với các trường hợp chủ phương tiện có biên lai chứng minh đã nộp phí tại các địa phương khác.

#### **2. Người nộp phí:**

Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí quy định tại Khoản 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ.



**3. Các trường hợp miễn phí:**

a) Xe mô tô của lực lượng công an, quốc phòng.

b) Xe mô tô của chủ phương tiện thuộc các hộ nghèo theo quy định về mức chuẩn hộ nghèo hiện hành của Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Về mức thu:**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe/năm.

Số TT	Loại xe chịu phí	Mức thu
1	Loại xe có dung tích xy lanh đến 100 cm <sup>3</sup>	50
2	Loại xe có dung tích xy lanh từ trên 100 cm <sup>3</sup> đến 175 cm <sup>3</sup>	100
3	Loại xe có dung tích xy lanh từ trên 175 cm <sup>3</sup>	150

**5. Thời gian triển khai thu phí:**

Chủ phương tiện quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện khai, nộp phí kể từ năm 2015.

**6. Thủ tục nộp phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô:**

a) Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thu phí đối với xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo công tác quản lý, kê khai, thu phí công bằng, chặt chẽ, thu đúng, thu đủ, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, cụ thể:

- Phát phiếu kê khai phương tiện xe mô tô, nộp phí theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính để làm căn cứ lập danh sách quản lý thu phí trên địa bàn theo từng năm.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập, phê duyệt danh sách thu phí trước khi tổ chức thu.

- Đối tượng nộp phí sẽ đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc các điểm thu phí tại các khu phố để nộp phí; hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cử cán bộ liên hệ thu và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo mẫu chứng từ quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC nói trên.

b) Chủ phương tiện quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện kê khai, nộp phí như sau:

- Các xe phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, chủ phương tiện khai nộp phí đến hết tháng 7 năm 2015 (ngày 31 tháng 7) với mức thu phí 12 tháng của năm 2015.

- Đối với xe phát sinh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm, chủ phương tiện khai nộp phí vào tháng 7 hàng năm (từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 7), cụ thể:

+ Xe đăng ký mới thực hiện khai nộp phí, với mức thu phí bằng 1/2 mức thu năm.

+ Xe đăng ký lần thứ 2 trở đi (xe này đã được đăng ký trước ngày 01 tháng 01 của năm đó), nếu xe đó chưa được nộp phí thì chủ phương tiện phải khai nộp phí với mức thu phí cả năm; nếu đã được nộp thì chủ phương tiện chỉ thực hiện nộp Từ khai phí và không phải nộp phí năm phát sinh.

- Đối với xe phát sinh từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, chủ phương tiện khai nộp phí vào tháng 01 năm sau (chậm nhất ngày 31 tháng 01): Đối với xe đăng ký lần đầu và xe đăng ký lần 2 trở đi (đã được nộp phí của năm phát sinh) thì chủ phương tiện không phải nộp phí đối với thời gian còn lại của năm phát sinh. Trường hợp đăng ký từ lần thứ 2 trở đi nhưng xe đó chưa được nộp phí của năm phát sinh thì chủ phương tiện phải thực hiện khai nộp phí bổ sung tiền phí của năm phát sinh, cùng với số phí phải nộp của năm tiếp theo.

- Các năm tiếp theo không có biến động tăng, giảm xe, chủ phương tiện thực hiện nộp phí vào tháng 01 hàng năm (chậm nhất ngày 31 tháng 01) với mức thu phí 12 tháng cho cơ quan thu phí.

## **7. Quản lý và sử dụng phí:**

Việc quản lý và sử dụng phí được áp dụng theo Quy chế quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 2. Triển khai thực hiện**

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, ý nghĩa của việc thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô:**

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố phối hợp với Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân quận -

huyện và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội tổ chức thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung, ý nghĩa của việc thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô bằng nhiều hình thức, đảm bảo nội dung tuyên truyền đến được các tổ dân phố, từng hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố.

## **2. Tổ chức tập huấn công tác thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô:**

a) Giao Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố triển khai tập huấn cho Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm báo cáo đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, kê khai, thu phí của từng Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố để theo dõi, hỗ trợ thực hiện.

## **3. Giao Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố:**

a) Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị tổ chức tập huấn hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Xây dựng và ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát nguồn thu, hạch toán nguồn thu và mối quan hệ giữa Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố với quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

d) Dự thảo Quy định về hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích quản lý, bảo trì công trình đường bộ sử dụng quỹ bảo trì đường bộ Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

e) Tiếp tục nghiên cứu đề xuất Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương, Chính phủ bổ sung các biện pháp chế tài nhằm đảm bảo công tác quản lý thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố được hoàn thiện, chặt chẽ và công bằng.

g) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô và quản lý kinh phí thu chi của Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nộp phí, thuận lợi cho công

tác quản lý thu phí của các đơn vị liên quan, đảm bảo công khai, minh bạch tình hình thu chi của Quỹ.

#### **4. Giao Sở Tài chính:**

a) Hướng dẫn các đơn vị sử dụng nguồn thu phí được để lại phục vụ cho tổ chức thu phí theo đúng quy định. Kiểm tra, theo dõi quá trình thực hiện của các đơn vị liên quan đến lĩnh vực do đơn vị phụ trách.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện thu, nộp, sử dụng, thanh quyết toán phí sử dụng đường bộ đúng quy định.

#### **5. Giao Cục Thuế Thành phố:**

Tổ chức in biên lai thu phí, miễn phí, phát hành, hướng dẫn quản lý, sử dụng biên lai thu phí bảo trì đường bộ; hướng dẫn thực hiện việc kê khai, báo cáo việc sử dụng biên lai thu phí đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố.

#### **6. Giao Kho bạc Nhà nước Thành phố:**

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn mở tài khoản tiếp nhận nguồn kinh phí từ Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố tại Kho bạc Nhà nước; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước quận - huyện hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nộp phí sử dụng đường bộ vào Kho bạc Nhà nước; thực hiện việc trích, để lại cho các phường, xã, thị trấn và chuyển kinh phí còn lại vào tài khoản của Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố theo quy định.

#### **7. Giao Ủy ban nhân dân quận, huyện:**

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức thu, quản lý phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô theo đúng quy định và chịu trách nhiệm về việc thu, nộp, kê khai quyết toán số phí đã thu. Đồng thời, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố, Công an Thành phố tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến cấp cơ sở, đến từng hộ dân các nội dung liên quan đến phí sử dụng đường bộ; thực hiện có hiệu quả công tác thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô.

- Phát hành và hướng dẫn khai Tờ khai phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định.

#### **8. Giao Công an Thành phố:**

Chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc nhắc nhở người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải thực hiện việc đóng phí bảo trì đường bộ khi tiến hành

kiểm tra, xử phạt các phương tiện xe mô tô vi phạm quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo trì đường bộ Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1363/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước  
về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2015  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 5282/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 29 tháng 12 năm 2014 về việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 1174/TTr-STP-THPL ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện công tác quản lý

nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các Phụ lục hướng dẫn nội dung báo cáo, thống kê số liệu về xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Thực hiện kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc các quy định về xử lý vi phạm hành chính, qua đó kiến nghị các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

#### **2. Yêu cầu**

- Kế hoạch phải được triển khai đồng bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, xác định trách nhiệm cho từng cấp, ngành, đơn vị một cách rõ ràng, công khai, minh bạch.

- Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Bảo đảm các điều kiện về nhân lực và kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

### **II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

#### **1. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

a) Xây dựng Quy chế phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố, có sự phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính với cơ quan quản lý người có thẩm quyền trực tiếp thực công tác xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm công tác quản lý xử



lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Thời gian thực hiện: Quý III/2015.

b) Rà soát, theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

Đơn vị chủ trì: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2015.

## **2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính**

Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận huyện chủ động thực hiện việc hướng dẫn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính; tổ chức phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực chuyên ngành hoặc phạm vi địa bàn của cơ quan, đơn vị mình được giao quản lý bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Đơn vị chủ trì: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2015.

## **3. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

a) Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Xác định đối tượng, phạm vi, nội dung kiểm tra trên cơ sở phạm vi, lĩnh vực trọng tâm về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Thời gian thực hiện: Quý III/2015.

- Thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

Sở Tư pháp tham mưu đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành do Giám đốc Sở Tư pháp làm Trưởng đoàn, với sự tham gia của đại diện các Sở, ban - ngành có liên quan đến lĩnh vực được kiểm tra. Đơn vị được mời tham dự: đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố. Địa bàn kiểm tra cụ thể do Trưởng đoàn kiểm tra quyết định sau khi tham khảo ý kiến của các Sở, ban - ngành có liên quan.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Thời gian thực hiện: Quý III/2015.

b) Việc thanh tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trên cơ sở đề nghị của cơ quan tư pháp các cấp khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn.

#### **4. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bảo đảm tổng hợp số liệu đầy đủ, chính xác, đồng thời đưa ra được các nhận định, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong từng ngành, lĩnh vực, nêu lên được các vấn đề còn tồn tại, các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân và các giải pháp, kiến nghị, đề xuất cụ thể. Nội dung báo cáo thực hiện theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đơn vị thực hiện và thời gian thực hiện:

- Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực chuyên ngành hoặc phạm vi địa bàn của cơ quan, đơn vị mình được giao quản lý gửi về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 năm 2015 đối với báo cáo 6 tháng, trước ngày 10 tháng 10 năm 2015 đối với báo cáo năm.

- Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo của các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện thành báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên

địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 4 năm 2015 đối với báo cáo 6 tháng, trước ngày 20 tháng 10 năm 2015 đối với báo cáo năm.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì, tổ chức thực hiện Kế hoạch này và hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện.

2. Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tập trung thực hiện Kế hoạch theo đúng nội dung, yêu cầu, thời hạn nêu trong Kế hoạch này.

#### **3. Kinh phí thực hiện**

- Đối với các hoạt động thuộc trách nhiệm của Sở Tư pháp: Kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán kinh phí không tự chủ năm 2015 của Sở Tư pháp và giao Sở Tài chính hướng dẫn Sở Tư pháp quyết toán kinh phí theo quy định.

- Đối với các hoạt động thuộc trách nhiệm của các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện: Các cơ quan thực hiện việc lập dự toán, phân bổ kinh phí theo quy định.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan phản ánh cho Sở Tư pháp để được hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**Phụ lục số 01****Hướng dẫn nội dung báo cáo Công tác thi hành pháp luật về xử lý  
vi phạm hành chính**

*(Kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2015  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN<sup>1</sup>  
(Nếu có)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO**

Số: /BC-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO**

**Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

**Kỳ báo cáo .....<sup>2</sup>**

**(Từ ngày..... đến ngày.....)<sup>3</sup>**

Thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 (Luật XLVPHC) và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC về việc lập báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 06 tháng/hàng năm, [...] <sup>4</sup> báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT XLVPHC VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT**

- Nêu rõ tên, hình thức văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành của Ban Cán sự Đảng, Quận, huyện ủy, lãnh đạo Sở, ban - ngành/UBND cấp huyện trong việc triển khai thực hiện Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành<sup>5</sup>.

- Công tác phổ biến, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính: (nêu cụ thể hình thức, số cuộc, số lượt người tham dự,..)

- Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: (Nêu cụ thể số cuộc kiểm tra, số cuộc thanh tra, thời gian, đối tượng được kiểm tra, thanh tra, cách thức tổ chức kiểm tra, thanh tra,..)

<sup>1</sup> Ghi theo thể thức hướng dẫn tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

<sup>2</sup> Ghi rõ kỳ báo cáo: 6 tháng hay 1 năm

<sup>3</sup> Ghi rõ thời điểm lấy số liệu:

- Báo cáo 6 tháng: từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 31/3 năm báo cáo
- Báo cáo 1 năm: từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 năm báo cáo

<sup>4</sup> Ghi rõ tên cơ quan báo cáo

<sup>5</sup> Đối với các Sở, ban – ngành: nêu rõ văn bản QPPL mà sở, ngành đã tham mưu UBNDTP ban hành

- Các điều kiện bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: (Nêu cụ thể về tình hình tổ chức, bộ máy, số lượng cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm được phân công thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về XLVPHC, tình hình bố trí máy móc, trang thiết bị, kinh phí,...)

## **II. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

### **1. Tình hình vi phạm hành chính**

- Nêu tình hình vi phạm hành chính trên lĩnh vực/các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của cơ quan báo cáo.

Trong nội dung này nêu tình hình chung về vi phạm hành chính, có sự phân tích các số liệu được nêu trong các Mẫu tổng hợp số liệu và so sánh, đánh giá tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước, phân tích nguyên nhân dẫn đến việc tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước.

### **2. Kết quả công tác xử phạt vi phạm hành chính**

Nêu tổng quát về số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện; tổng số vụ bị xử lý; số vụ không xử lý, lý do không xử lý (có thể chia theo ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý, so sánh tỉ lệ số vụ không xử lý trên tổng số vụ vi phạm bị phát hiện). Tổng số tiền phạt thu được, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (có so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước).

Đánh giá chung về kết quả đạt được của công tác xử phạt vi phạm hành chính (đánh giá về hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước, tác dụng của việc thực hiện XPVPHC trong thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được giao).

### **3. Khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử phạt vi phạm hành chính**

*(Từ thực tiễn công tác xử phạt vi phạm hành chính theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý trong kỳ báo cáo, [cơ quan lập báo cáo] đưa ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác xử phạt vi phạm hành chính).*

Nêu cụ thể nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc (do quy định pháp luật, do việc tổ chức thực hiện, do các điều kiện bảo đảm thi hành,...).

### **4. Kiến nghị, đề xuất những chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xử phạt vi phạm hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm hành chính**

*(Các kiến nghị, đề xuất, các giải pháp phải gắn liền với những khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu tại khoản 3; trường hợp kiến nghị liên quan đến các quy định pháp luật: nội dung kiến nghị phải nêu cụ thể đối với từng điều khoản của từng văn bản và có đề xuất cách xử lý).*

### **III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH<sup>6</sup>**

#### **1. Tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

- Nêu tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên từng địa bàn.

Trong nội dung này có sự phân tích các số liệu được nêu trong các Biểu mẫu tổng hợp số liệu và có so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Nguyên nhân của tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

#### **2. Kết quả áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

Nêu tổng quát về tình hình vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội bị phát hiện, xử lý (có thể chia theo nhóm hành vi hoặc độ tuổi, giới tính của người vi phạm,...). Tổng số hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đã được lập và có so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước.

Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

#### **3. Khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

*(Từ thực tiễn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong kỳ báo cáo, [cơ quan lập báo cáo] đưa ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính).*

#### **4. Kiến nghị, đề xuất những chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

*(Các kiến nghị, đề xuất, các giải pháp phải gắn liền với những khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu tại khoản 3; trường hợp kiến nghị liên quan đến các quy định pháp luật: nội dung kiến nghị phải nêu cụ thể đối với từng điều khoản của từng văn bản và có đề xuất cách xử lý).*

#### **5. Một số vấn đề khác**

- Tình hình thực hiện quy định giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian làm thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo Điều 131 Luật XLVPHC.

<sup>6</sup> Phần này dành cho UBND quận, huyện và các cơ quan có áp dụng hoặc có tham gia phối hợp áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

- Nêu số lượng đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước và trong thời gian chấp hành biện pháp tại các cơ sở nêu trên theo quy định tại Điều 132 Luật XLVPHC; tình hình xử lý các trường hợp này như thế nào?

- Nêu số lượng đối tượng đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại bị ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp chuyển về cơ sở y tế để điều trị.

- Nêu số lượng đối tượng là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động đã chấp hành xong thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được chuyển về cơ sở bảo trợ xã hội.

- Số lượng vụ việc bị khiếu nại, khởi kiện đối với việc lập hồ sơ đề nghị và ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Nêu một số nguyên nhân chính.

#### **IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ<sup>7</sup>**

##### **1. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân**

- Về thể chế;
- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp;
- Về các điều kiện bảo đảm thi hành.
- ...

##### **2. Đề xuất, kiến nghị**

##### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, .....

..... 8

<sup>7</sup> Phần này nêu những khó khăn, vướng mắc, bất cập, nguyên nhân, đề xuất, kiến nghị mang tính tổng quát để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung.

<sup>8</sup> Quyền hạn và chức vụ của người ký Báo cáo.





**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng .... năm 20....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Chú thích*

\* Áp dụng cho các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện

(1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan lập báo cáo (nếu có).

(2) Tên của cơ quan lập báo cáo.

TNHS: Trách nhiệm hình sự

NCTN: Người chưa thành niên

GP: Giấy phép

CCHN: Chứng chỉ hành nghề

**Phụ lục số 03**

(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- (1).....  
 (2).....

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH\***

Số lượng HS	4	Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT	
	5	Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định	
Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC			
Tổng số Quyết định của UBND cấp xã			
Số lượng QĐ	8	Áp dụng biện pháp GDXPTT	
	9	Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN	
Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện			
Đưa vào TGD			
Số lượng QĐ	12	Đưa vào CSGDBB	
	13	Chưa được thi hành	
	14	Đang chấp hành Quyết định	
Số lượng đối tượng	15	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định	
	16	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định	
	17	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	
	18	Được hoãn chấp hành Quyết định	
Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyên về cơ sở y tế để điều trị	19	TGD	
	20	CSGDBB	
Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào CSBTXH			
Số vụ	22	Khiếu nại	
	23	Khởi kiện	
Ghi chú			
1	2	Tên cơ quan, đơn vị	
Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC			
1		STT	

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng .... năm 20....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Chú thích:*

\* Áp dụng cho UBND các quận, huyện để tổng hợp số liệu đối với 03 biện pháp XLHC: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

(1) Tên của cơ quan lập báo cáo.

Cột 6 = Cột 8 + Cột 10.

HS: Hồ sơ.

QĐ: Quyết định.

BPXLHC: Biện pháp xử lý hành chính.

GDXPTT: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

NCTN: Người chưa thành niên.

TAND: Toà án nhân dân.

TGD: Trường giáo dưỡng.

CSGDBB: Cơ sở giáo dục bắt buộc.

CSCNBB: Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

CSBTXH: Cơ sở bảo trợ xã hội.

**Phụ lục số 04***(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)*(1).....  
(2).....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH\***

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng BPXLHC đưa vào CSCNBB	Số lượng đối tượng có nơi cư trú ổn định	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú		Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện áp dụng BPXLHC đưa vào CSCNBB	Số lượng Quyết định chưa được thi hành	Số lượng đối tượng					Số vụ		Ghi chú
				Chuyển về cơ sở y tế để điều trị	Đưa vào CSBTXH			Đang chấp hành Quyết định	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	Được hoãn chấp hành Quyết định	Khiếu nại	Khởi kiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1															

**Người lập biểu**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**Chú thích:*

\* Áp dụng cho UBND các quận, huyện để cung cấp số liệu về biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(1) Tên của cơ quan lập báo cáo.

BPXLHC: Biện pháp xử lý hành chính.

TAND: Toà án nhân dân

CSCNBB: Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

CSBTXH: Cơ sở bảo trợ xã hội.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1412/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về phê duyệt Điều lệ**  
**của Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo Biên bản Đại hội Đại biểu Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ I (2014 - 2017) vào ngày 02 tháng 11 năm 2014;

Xét đề nghị của Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 01/CV-VP ngày 20 tháng 01 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 678/TTr-SNV ngày 02 tháng 3 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đại biểu Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ I (2014 - 2017) thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2014.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐIỀU LỆ**

### **HỘI TẾ BÀO GỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1412/QĐ-UBND  
ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt: Hội tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh
2. Tên tiếng nước ngoài: Ho Chi Minh city Stem cell Society (HSCS)

#### **Điều 2. Tôn chỉ, mục đích**

Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các nhà khoa học, bác sĩ, dược sĩ, các nhà quản lý, doanh nhân, những người làm công tác trong lĩnh vực Tế bào gốc hoặc có liên quan, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

#### **Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở**

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại số 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động**

1. Hội hoạt động trên phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng Tế bào gốc trong y dược học, nông nghiệp và các lĩnh vực khác.

2. Hội chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

### **Điều 6. Quyền hạn**

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.



6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

### **Điều 7. Nhiệm vụ**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

### **Chương III**

### **HỘI VIÊN**

#### **Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên**

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: là Công dân Việt Nam, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng Tế bào gốc có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: là Công dân Việt Nam, các tổ chức muốn hợp tác, giúp đỡ, góp phần phát triển lĩnh vực Tế bào gốc, không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội được Ban Thường vụ Hội công nhận.

c) Hội viên danh dự: là Công dân Việt Nam, các tổ chức được pháp luật Việt Nam công nhận, có đóng góp lớn, có tâm huyết muốn đóng góp vào sự nghiệp phát triển lĩnh vực Tế bào gốc nhưng không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội được Ban Thường vụ Hội công nhận.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

Hội viên bao gồm các công dân Việt Nam là các nhà khoa học, kỹ thuật viên, bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông học, các doanh nhân, các tổ chức tham gia các hoạt động nghiên cứu Khoa học Công nghệ liên quan đến lĩnh vực Tế bào gốc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được pháp luật Việt Nam công nhận, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội, được Ban Thường vụ xem xét kết nạp.

#### **Điều 9. Quyền của hội viên**

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hay không muốn tiếp tục tham gia.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

#### **Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

#### **Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội**

Ban Chấp hành Hội quyết định việc gia nhập hoặc ra khỏi Hội của Hội viên theo đề xuất của Ban Thư ký.

### **Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội**

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, các ban chuyên môn.

6. Các tổ chức thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Đại hội**

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 4 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

### **Điều 14. Ban Chấp hành Hội**

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 20% (hai mươi phần trăm) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

## 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì sẽ do Chủ tịch Hội quyết định.

## **Điều 15. Ban Thường vụ Hội**

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 04 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

**Điều 16. Ban Thư ký**

1. Ban Thư ký do Ban Chấp hành quyết định, có nhiệm vụ thực hiện các công tác quản lý văn phòng Hội, quản lý Hội viên và các công tác hành chính khác của Hội. Số lượng nhân viên của Ban Thư ký do Ban Thường vụ quyết định.

2. Ban Thư ký do Tổng thư ký của Ban Chấp hành phụ trách

**Điều 17. Ban Kiểm tra Hội**

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

### **Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội**

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

**Điều 19. Tổng Thư ký**

Tổng Thư ký do Ban Chấp hành Hội đề ra. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động của Hội theo chủ trương và kế hoạch đã được Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ đề ra; quản lý và điều hành các công việc thường xuyên của Hội; theo dõi tổng hợp tình hình hoạt động của Hội và các tổ chức thành viên, báo cáo định kỳ cho Chủ tịch, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội.

**Chương V****CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ****Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội**

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

**Chương VI****TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN****Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội****1. Tài chính của Hội:****a) Nguồn thu của Hội:**

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

**b) Các khoản chi của Hội:**

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;



- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

### **Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội**

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

## **Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

### **Điều 23. Khen thưởng**

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều lệ Hội.

### **Điều 24. Kỷ luật**

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trong trường hợp có gây thiệt hại về vật chất, ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

**Chương VIII**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội**

Chỉ có Đại hội Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh mới có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

**Điều 26. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh gồm 8 Chương, 26 Điều đã được Đại hội toàn thể Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Tế bào gốc Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1419/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch huy động trẻ đến trường  
và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2015 - 2016**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Chỉ thị số 5105/CT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm đối với giáo dục tiểu học và Công văn số 1258/BGDĐT-GDTrH ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về không thi tuyển sinh vào lớp 6;

Căn cứ Quyết định số 172/2006/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình hành động chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 724/TTr-GDĐT-VP ngày 20 tháng 3 năm 2015 về thành lập Ban Chỉ đạo thi Trung học phổ thông quốc gia và Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2015 - 2016.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND  
ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

#### **A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH**

1. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân Thành phố, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

2. Khuyến khích mỗi quận, huyện xây dựng từ một đến hai trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế ở mỗi bậc học và cấp học theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khuyến khích các trường trung học tổ chức dạy môn toán và các môn khoa học tự nhiên bằng ngoại ngữ nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố, khuyến khích tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố.

3. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

4. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

#### **B. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH**

##### **I. HUY ĐỘNG TRẺ VÀO TRƯỜNG MẦM NON**

1. Huy động 100% trẻ năm tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn quận,

huyện vào trường mầm non theo tuyến do Ban tuyển sinh quận, huyện quy định. Có kế hoạch để đảm bảo cho trẻ ba tuổi, bốn tuổi và trẻ độ tuổi nhà trẻ được đi học. Tăng dần tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nhận trẻ năm tuổi phải thực hiện đầy đủ chương trình mầm non năm tuổi theo quy định.

3. Tổ chức nhận trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi theo đúng lộ trình quy định.

## **II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1**

### **1. Tuyển sinh vào lớp 1:**

a) Huy động 100% trẻ sáu tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn quận, huyện vào học lớp 1 theo tuyến do Ban tuyển sinh quận, huyện quy định.

Không nhận học sinh học sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài quận, huyện.

b) Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 học sinh/lớp).

c) Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 hàng năm và được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 31 tháng 7 hàng năm.

### **2. Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung):**

Tiếp tục thực hiện chương trình lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung). Việc tổ chức học sinh vào học lớp 1 tăng cường ngoại ngữ do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện xây dựng kế hoạch và chỉ đạo trường tiểu học tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Riêng tuyển sinh lớp 1 tăng cường tiếng Pháp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các lớp tăng cường tiếng Trung ưu tiên tuyển sinh con em người Hoa.

### **3. Tuyển sinh vào lớp 1 chương trình tích hợp:**

- Chỉ thực hiện tại những trường đã đảm bảo đủ chỗ học cho tất cả học sinh trong chỉ tiêu được giao.

- Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp chương trình tích hợp theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

### III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

#### 1. Tuyển sinh vào lớp 6:

a) Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn quận, huyện nào được vào học lớp 6 ở các loại hình trường trên địa bàn đó. Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn.

b) Không tổ chức thi tuyển.

c) Tùy tình hình thực tế về cơ sở vật chất trường lớp, đội ngũ giáo viên và dân cư của mỗi địa phương, trên cơ sở tham mưu của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định phương án tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường theo yêu cầu và nguyên tắc tuyển sinh nêu tại phần A Kế hoạch này.

d) Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

đ) Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 hàng năm và được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 15 tháng 7 hàng năm.

#### 2. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường Ngoại ngữ:

a) Tiếng Anh tại các quận, huyện và trường Trung học phổ thông Chuyên Trần Đại Nghĩa:

- Tại các quận, huyện:

Tiếp nhận học sinh đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình và có điểm kiểm tra công nhận trình độ từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên (do quận, huyện tự tổ chức) hoặc có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên (đối với quận, huyện không tổ chức kiểm tra công nhận trình độ) hoặc có chứng chỉ Cambridge Flyer đạt 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu).

- Tại trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa:

+ Đối tượng xét tuyển là những học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có điểm kiểm tra định kỳ cuối năm mỗi môn tiếng Việt và Toán đạt từ 9 điểm trở lên của năm học lớp 5. Ngoài ra, học sinh còn tham gia bài khảo sát năng lực bằng tiếng Anh.

+ Thời gian khảo sát là ngày 20 tháng 6 hàng năm. Học sinh sẽ thực hiện bài khảo sát năng lực bằng tiếng Anh (thời gian 90 phút).

+ Nếu không trúng tuyển vào lớp 6 trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa, học sinh vẫn được xét tuyển vào lớp 6 theo quy định của Ban Chỉ đạo tuyển sinh quận, huyện.

b) Tiếng Pháp:

Học sinh lớp 5 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học và có điểm kiểm tra định kỳ cuối năm mỗi môn tiếng Việt và Toán đạt từ 8 điểm trở lên của năm học lớp 5 và có điểm trung bình của các môn tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp từ 6 điểm trở lên được chuyển thẳng vào các lớp 6 tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp (lộ trình A). Học sinh đạt điểm trung bình dưới 6 điểm có thể học theo chương trình tăng cường tiếng Pháp hoặc có thể theo học chương trình tiếng nước ngoài hiện hành.

c) Tiếng Trung:

Đối tượng tuyển là học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học và đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình.

d) Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1):

Lớp 6 tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1) được tổ chức tại trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, quận 3 và trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản, Quận 1.

Việc tuyển sinh vào các lớp 6 tiếng Nhật được thực hiện trong số học sinh đã có danh sách vào học lớp 6 của trường.

đ) Tiếng Đức:

Lớp 6 tiếng Đức (Ngoại ngữ 1) được tổ chức tại trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, quận 3 và trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản, Quận 1.

Lớp 6 tiếng Đức (Ngoại ngữ 2) được tổ chức tại trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa: trường tự tuyển sau khi có danh sách học sinh vào học lớp 6 tại trường.

Việc tuyển sinh vào các lớp 6 tiếng Đức được thực hiện trong số học sinh đã có danh sách vào học lớp 6 của trường.

e) Đối với các loại hình lớp học tăng cường Ngoại ngữ ở tiểu học và ở trung học cơ sở, hằng năm Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét đưa ra khỏi chương trình các học sinh không theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải bảo đảm sĩ số không vượt quá theo quy định.



### **3. Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình tích hợp:**

- Tại các quận, huyện có trường tiểu học thực hiện chương trình tích hợp phải có trường trung học cơ sở thực hiện chương trình tích hợp để đảm bảo tính liên thông của chương trình.

- Hoàn thành chương trình tiểu học theo chương trình tích hợp hoặc chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo có đủ năng lực tiếng Anh theo quy định trình độ đủ điều kiện theo học chương trình tích hợp cấp trung học cơ sở.

- Chỉ thực hiện tại những trường đã đảm bảo đủ chỗ học cho tất cả học sinh trong chỉ tiêu được giao.

- Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp chương trình tích hợp theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

### **4. Tuyển sinh vào lớp 6 trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục thể thao Nguyễn Thị Định:**

- Gồm các bộ môn: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, điền kinh, võ, cầu lông, bơi lội.

- Điều kiện xét tuyển:

+ Đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học và có đủ điều kiện tuyển sinh vào lớp 6.

+ Đạt giải thể dục thể thao cấp quận, cấp Thành phố, hội khỏe Phù đồng.

- Được nhận học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học của các tỉnh khác nếu có đủ điều kiện theo quy định.

- Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ ngày 18 tháng 5 hàng năm đến ngày 27 tháng 6 hàng năm (theo hướng dẫn của trường).

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 6 chuyên năng khiếu thể dục thể thao, học sinh vẫn được xét tuyển vào lớp 6 theo quy định của Ban Chỉ đạo tuyển sinh quận, huyện.

## **IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10**

### **1. Tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông:**

1.1. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định đều được tham gia dự tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông công lập.

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển.

Học sinh được đăng ký 3 nguyện vọng ưu tiên 1, 2, 3 để xét tuyển vào lớp 10 các trường trung học phổ thông công lập (trừ trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và trường Phổ thông năng khiếu Đại học Quốc gia). Không được đổi nguyện vọng sau khi trúng tuyển.

1.2. Chế độ ưu tiên, khuyến khích:

1.2.1. Chế độ ưu tiên:

a) Cộng 3 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ;

- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

b) Cộng 2 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Cộng 1 điểm cho một trong các đối tượng:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

- Người dân tộc thiểu số;

1.2.2. Chế độ khuyến khích.

a) Đạt giải cá nhân trong kỳ thi học sinh giỏi các bộ môn văn hoá:

- Giải nhất cấp tỉnh: cộng 2,0 điểm;

- Giải nhì cấp tỉnh: cộng 1,5 điểm;

- Giải ba cấp tỉnh: cộng 1,0 điểm;

b) Đạt giải cá nhân hoặc đồng đội do ngành giáo dục và đào tạo phối hợp với các ngành từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học cơ sở trong các kỳ thi văn nghệ; thể dục thể thao; thi vẽ; thi viết thư quốc tế; văn hay chữ tốt; thi giải toán trên máy tính cầm tay; thi thí nghiệm thực hành một trong các bộ môn vật lí, hóa học, sinh học; thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; thi vận dụng kiến thức giải quyết tình huống thực tiễn.

- Giải cá nhân:

+ Đạt giải quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc huy chương vàng: cộng 2,0 điểm;

+ Đạt giải nhì cấp tỉnh hoặc huy chương bạc: cộng 1,5 điểm;

+ Đạt giải ba cấp tỉnh hoặc huy chương đồng: cộng 1,0 điểm;

- Giải đồng đội (bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cầu mây, điền kinh, tập ca, song ca...):

+ Chỉ cộng điểm đối với giải quốc gia;

+ Số lượng cầu thủ, vận động viên, diễn viên của giải đồng đội từ 02 đến 22 người theo quy định cụ thể của ban tổ chức từng giải;

c) Học sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức ở cấp trung học cơ sở:

- Loại giỏi: cộng 1,5 điểm;

+ Loại khá: cộng 1,0 điểm;

+ Loại trung bình: cộng 0,5 điểm.

d) Những học sinh đạt nhiều giải khác nhau trong các cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

1.3. Môn thi, ngày thi, thời gian làm bài thi, điểm bài thi, hệ số điểm bài thi, điểm cộng thêm và điểm thi tuyển:

a) Môn thi:

Thi viết ba môn: Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ.

b) Ngày thi: 11 và 12 tháng 6 hàng năm.

c) Thời gian làm bài thi:

- Môn Ngữ văn, môn Toán: 120 phút/môn thi.

- Môn Ngoại ngữ: 60 phút.

d) Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, điểm bài thi được cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

- Hệ số điểm bài thi:

+ Môn Toán, môn Ngữ văn: hệ số 2.

+ Môn Ngoại ngữ: hệ số 1.

đ) Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích tối đa không quá 5 điểm.

e) Điểm thi tuyển là tổng điểm ba bài thi đã tính theo hệ số và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích. Thí sinh trúng tuyển phải dự thi đủ ba bài thi và không có bài thi nào bị điểm 0 (không).

Ở một trường, điểm chuẩn nguyện vọng 2 cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 1 và điểm chuẩn nguyện vọng 3 cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 không quá 1 điểm.

1.4. Đề thi:

a) Nội dung đề thi trong phạm vi chương trình trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chủ yếu ở lớp 9. Đề thi phải đảm bảo chính xác, rõ ràng, không sai sót, phân hoá được trình độ học sinh, phù hợp với thời gian quy định cho từng môn thi.

b) Mỗi môn có đề thi chính thức và đề thi dự bị với mức độ tương đương về yêu cầu nội dung, thời gian làm bài. Mỗi đề thi phải có hướng dẫn chấm và biểu điểm kèm theo.

c) Đề thi và hướng dẫn chấm thi khi chưa được công bố là bí mật Nhà nước độ “Tối mật” theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi, gửi đề thi:

a) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một hội đồng ra đề thi và in sao đề thi tuyển sinh trung học phổ thông.

b) Tổ chức, nhiệm vụ của hội đồng ra đề thi, công tác ra đề thi, sao in, gửi đề thi vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

1.6. Hội đồng coi thi, hội đồng chấm thi, hội đồng phúc khảo:

a) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng coi thi. Việc thành lập hội đồng coi thi và công tác tổ chức coi thi tuyển sinh vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một hội đồng chấm thi. Việc thành lập hội đồng chấm thi và công tác tổ chức chấm thi vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

c) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một hội đồng phúc khảo. Việc thành lập hội đồng phúc khảo và công tác tổ chức phúc khảo bài thi vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

## **2. Tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông của các trường, lớp chuyên:**

2.1. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định và có thêm các điều kiện sau:

+ Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp 6, 7, 8 từ khá trở lên.

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở loại giỏi.

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển.

2.2. Môn thi, ngày thi, thời gian làm bài thi, điểm bài thi, hệ số điểm bài thi, điểm xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển và cách xét tuyển:

a) Môn thi:

Thi viết bốn môn: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ và môn chuyên.

b) Ngày thi: 11 và 12 tháng 6 hàng năm.

c) Thời gian làm bài thi:

- Các bài thi không chuyên: Môn Ngữ văn và môn Toán là 120 phút; môn Ngoại

ngữ là 60 phút.

- Các bài thi chuyên: Môn Hóa học và môn Ngoại ngữ là 120 phút, các môn khác là 150 phút.

d) Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, điểm bài thi được cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

- Hệ số điểm bài thi:

+ Điểm các bài thi không chuyên: hệ số 1.

+ Điểm bài thi môn chuyên: hệ số 2.

đ) Điểm xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển và cách xét tuyển:

- Điểm xét tuyển:

+ Điểm xét tuyển vào lớp chuyên là tổng điểm: điểm Ngữ văn + điểm Ngoại ngữ + điểm Toán + (điểm môn chuyên x 2) + điểm khuyến khích (nếu có).

Điểm khuyến khích: Học sinh đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn học lớp 9 cấp Thành phố được cộng điểm khi tuyển vào lớp chuyên nếu môn đạt giải là môn chuyên mà học sinh đăng kí dự thi.

Mức điểm được cộng như sau: Giải nhất: 2 điểm; Giải nhì: 1,5 điểm; Giải ba: 1 điểm.

+ Điểm xét tuyển vào lớp không chuyên là tổng điểm: điểm Ngữ văn + điểm Ngoại ngữ + điểm Toán.

- Nguyên tắc xét tuyển:

Chỉ xét tuyển đối với thí sinh được tham gia thi tuyển, đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2.

- Cách xét tuyển:

+ Xét tuyển vào lớp chuyên: Căn cứ quy định điểm xét tuyển vào lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng môn chuyên.

+ Xét tuyển vào lớp không chuyên: Căn cứ quy định điểm xét tuyển vào lớp không chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu các lớp không chuyên.

e) Lưu ý:

- Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong được nhận học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ở các tỉnh khác dự thi nếu có đủ điều kiện theo quy định của kỳ thi.

- Học sinh đăng ký 4 nguyện vọng ưu tiên:

+ Nguyện vọng ưu tiên 1, 2 vào lớp chuyên.

+ Nguyện vọng ưu tiên 3, 4 vào lớp không chuyên tại 2 trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong và trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa.

- Nếu không trúng tuyển vào các trường, lớp chuyên, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển.

2.3. Hội đồng ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo:

Thực hiện như thi tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông.

### **3. Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Anh:**

- Khuyến khích các trường trung học phổ thông có điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất mở lớp 10 tăng cường tiếng Anh.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tăng cường tiếng Anh được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường với các yêu cầu sau:

+ Điểm số từng kỹ năng của toàn năm lớp 9 tăng cường tiếng Anh đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ B tiếng Anh trở lên hoặc có chứng chỉ Cambridge PET đạt từ 70/100 hoặc FCE từ 45/100 điểm trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL Junior đạt từ 785/900 điểm trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh tương đương.

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở loại Khá, Giỏi.

### **4. Tuyển sinh vào lớp 10 chương trình tích hợp:**

- Khuyến khích các trường trung học phổ thông ở các quận, huyện có học sinh trung học cơ sở học chương trình tích hợp có điều kiện về cơ sở vật chất, phụ huynh học sinh có nhu cầu mở lớp 10 chương trình tích hợp.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 chương trình tích hợp được thực hiện trong số

học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường với các yêu cầu sau:

+ Điểm số từng kỹ năng của toàn năm lớp 9 tăng cường tiếng Anh đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ B tiếng Anh trở lên hoặc có chứng chỉ Cambridge PET đạt từ 70/100 hoặc FCE từ 45/100 điểm trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL Junior đạt từ 785/900 điểm trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh tương đương.

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở loại Khá, Giỏi.

#### **5. Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Trung:**

- Trường Trung học phổ thông Hùng Vương, trường Trung học phổ thông Trần Khai Nguyên, trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải và trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa tuyển sinh lớp 10 tăng cường tiếng Trung.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tăng cường tiếng Trung được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường với điểm số từng kỹ năng của toàn năm lớp 9 tăng cường tiếng Trung đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ B tiếng Trung trở lên.

#### **6. Tuyển sinh vào lớp 10 tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1):**

- Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, trường Trung học phổ thông Trưng Vương và trường Trung học phổ thông Marie Curie tuyển sinh lớp 10 tiếng Nhật Ngoại ngữ 1.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1) được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường và đã học trung học cơ sở tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1) tại trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, quận 3 hoặc trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản, quận 1 đồng thời có điểm thi tuyển sinh môn tiếng Nhật từ 5,0 trở lên.

#### **7. Tuyển sinh vào lớp 10 tiếng Đức (Ngoại ngữ 2):**

- Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa, trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai, trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến và trường Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền tuyển sinh lớp 10 tiếng Đức (Ngoại ngữ 2).

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tiếng Đức (Ngoại ngữ 2) được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường.



## **8. Tuyển sinh vào lớp 10 tiếng Pháp:**

### **a) Tuyển sinh vào lớp 10 chương trình tiếng Pháp song ngữ:**

- Sau khi được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh các lớp trung học cơ sở trong khuôn khổ Chương trình tiếng Pháp song ngữ phải qua kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 (ngày 11 và 12 tháng 6 hàng năm) và kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở trong khuôn khổ Chương trình tiếng Pháp song ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sau khi có kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 và thi tốt nghiệp trung học cơ sở trong khuôn khổ Chương trình tiếng Pháp song ngữ, những học sinh này sẽ được ưu tiên bố trí vào 1 trong 3 trường theo thứ tự điểm tuyển, đó là trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Hồng Phong, Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai, Trung học phổ thông Marie Curie.

- Cách tính điểm tuyển như sau:

Điểm tuyển = (Điểm trung bình tuyển sinh 10) x 2 + Điểm trung bình cộng của các bài thi môn tiếng Pháp và bài thi môn Toán bằng tiếng Pháp trong kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở trong khuôn khổ Chương trình tiếng Pháp song ngữ (trong đó điểm trung bình tuyển sinh 10 có tính đến chế độ ưu tiên, khuyến khích và điểm trung bình cộng của các bài thi môn tiếng Pháp và bài thi môn Toán bằng tiếng Pháp trong kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở trong khuôn khổ Chương trình tiếng Pháp song ngữ từ 5,0 trở lên).

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 10 chương trình tiếng Pháp song ngữ, học sinh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển.

### **b) Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Pháp:**

- Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai và trường Trung học phổ thông Marie Curie tuyển sinh lớp 10 tăng cường tiếng Pháp.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tăng cường tiếng Pháp được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tiếng Pháp (Ngoại ngữ 1) đã học xong chương trình tiếng Pháp song ngữ cấp trung học cơ sở và có điểm thi tuyển sinh môn tiếng

Pháp từ 5,0 điểm trở lên.

c) Tuyển sinh vào lớp 10 tiếng Pháp (Ngoại ngữ 2):

- Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu tuyển sinh lớp 10 tiếng Pháp (Ngoại ngữ 2).

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tiếng Pháp (Ngoại ngữ 2) được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường.

**9. Tuyển sinh vào trường Trung học phổ thông Chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định:**

- Gồm các bộ môn: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, điền kinh, võ, cầu lông, quần vợt, bơi lội.

- Điều kiện xét tuyển:

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở và có đủ điều kiện tuyển sinh vào lớp 10.

+ Đạt giải thể dục thể thao cấp quận, cấp Thành phố, hội khoẻ Phù đồng.

- Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ ngày 25 tháng 5 hàng năm đến ngày 20 tháng 6 hàng năm (theo hướng dẫn của trường).

- Được nhận học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của các tỉnh khác nếu có đủ điều kiện theo quy định.

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 10 chuyên năng khiếu thể dục thể thao, học sinh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển. Ưu tiên xét tuyển đối với học sinh chuyên đã tốt

nghiệp trung học cơ sở từ trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định.

**10. Tuyển sinh vào lớp 10 trường Trung học phổ thông Quốc tế Việt Úc:**

- Điều kiện tuyển sinh:

+ Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt loại Khá, Giỏi và có đủ trình độ tiếng Anh để theo học;

- Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm (theo hướng dẫn của trường).

**11. Tuyển sinh vào trung cấp chuyên nghiệp - Hệ sau trung học cơ sở:**

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn Thành phố có tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Căn cứ xét tuyển:

+ Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định.

### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp và phổ biến đến Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên, Hiệu trưởng trường có tuyển sinh hệ trung cấp chuyên nghiệp để có kế hoạch thực hiện.

- Thành lập Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo để chỉ đạo và kiểm tra công tác tuyển sinh của các quận, huyện và các trường, tổ chức tuyển sinh vào các trường trung học phổ thông chuyên, chương trình tăng cường ngoại ngữ. Thành lập Hội đồng tuyển sinh ở các trường trung học phổ thông để thực hiện công tác tuyển sinh.

- Chỉ đạo các trường trung học phổ thông xây dựng kế hoạch tuyển sinh, giới thiệu và tạo điều kiện để phụ huynh học sinh và học sinh tìm hiểu về trường trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh và phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh của các trường.

- Tổ chức các kỳ thi tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, an toàn và chính xác.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từng năm học trên địa bàn.

- Thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh của quận, huyện và chỉ đạo thành lập Hội đồng tuyển sinh trường để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch.

**3.** Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp được thực hiện kể từ năm học 2015 - 2016, nếu có thay đổi, bổ sung thì Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm trình thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1453/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2015 của dự án hỗ trợ kỹ thuật  
“Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều khu vực đô thị Thành phố Hồ Chí Minh”  
do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP Việt Nam) tài trợ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Công văn 955/TTg-QHQT ngày 13 tháng 7 năm 2012 về việc phê duyệt danh mục các dự án đợt 1 do UNDP tài trợ;

Căn cứ Công văn số 3921/UBND-VX ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai dự án “Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều khu vực đô thị Thành phố” do UNDP tài trợ tài trợ;

Căn cứ Quy chế chung về Quản lý chương trình, dự án hợp tác Việt Nam- Liên hợp quốc (HPPMG) được ký kết giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng thường trú Liên Hợp quốc tại Việt Nam tháng 5 năm 2010;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá tại Công văn số 24/BCĐCTGN,THK ngày 03 tháng 3 năm 2015 về trình phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2015 của dự án hỗ trợ kỹ thuật “Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều khu vực đô thị Thành phố” do UNDP tài trợ và Kế hoạch hoạt động năm 2015 được ký giữa nhà tài trợ UNDP và Chủ dự án ngày 10 tháng 02 năm 2015;

Theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1993/STC-HCSN ngày 20 tháng 3 năm 2015; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2394/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 3 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt kế hoạch hoạt động năm 2015 của dự án “Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều khu vực đô thị Thành phố” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Kế hoạch hoạt động năm 2015 của dự án Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều tại khu vực đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tên nhà tài trợ: UNDP tại Việt Nam.

3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Chủ dự án: Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá.

5. Mục tiêu của dự án:

**Mục tiêu 1:** Các vấn đề nghèo đa chiều đô thị đối với người nghèo - hộ nghèo Thành phố, đặc biệt nghèo trong bộ phận người di cư và người lao động khu vực phi chính thức được giám sát quan tâm chặt chẽ và phân tích đều kỳ nhằm cung cấp thông tin đầu vào cho xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mục tiêu 2:** Các vấn đề nghèo đa chiều đô thị đối với người nghèo - hộ nghèo Thành phố, đặc biệt nghèo trong bộ phận người di cư và người lao động khu vực phi chính thức được giải quyết hiệu quả ở Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các chính sách giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội hiệu quả, sáng tạo và được xây dựng dựa trên thông tin đầu vào chính xác, minh bạch.

**Mục tiêu 3:** Kiến thức và kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh về nghèo đa chiều đô thị được công bố rộng rãi, nhân rộng và được sử dụng một cách hiệu quả phục vụ các chính sách/chương trình giảm nghèo ở cấp quốc gia, ở Thành phố Hà Nội và các Thành phố/đô thị khác.

6. Các hoạt động và kết quả chủ yếu của kế hoạch hoạt động năm 2015:

- Phương pháp luận đo lường nghèo đa chiều được xây dựng và thể chế hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hệ thống công cụ chính thức và quy trình cập nhật danh sách hộ nghèo đa chiều của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội được lồng ghép vào hệ thống chỉ số đo lường đa chiều (Ban Chỉ đạo Giảm nghèo và Tăng hộ khá Thành phố Hồ Chí Minh) nhằm phân loại hộ nghèo theo các chiều thiếu hụt, đảm bảo tiếp cận cho tất cả các bộ phận dân cư (KT1, KT2, KT3, KT4) và đảm bảo hỗ trợ theo nhu cầu.

- Các chính sách giảm nghèo đa chiều, toàn diện 2016 - 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng trên cơ sở thử nghiệm các mô hình giảm nghèo đa chiều ở một số quận, huyện.

- Chiến lược Giảm nghèo và Tăng hộ khá 2009 - 2015 được sửa đổi và cập nhật, Kế hoạch giảm nghèo hàng năm được xây dựng theo hướng hỗ trợ đa chiều và toàn diện.

- Các cuộc thảo luận chính sách và các hoạt động tuyên truyền về nghèo đô thị, cách tiếp cận nghèo đa chiều, các thử nghiệm chính sách, cũng như các mô hình/công cụ giảm nghèo và quản lý đô thị mới được tổ chức nhằm chia sẻ kinh nghiệm nhằm đưa ra các khuyến nghị chính sách. Phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều này được xây dựng và sử dụng các khuyến nghị trong lập và thực hiện các chương trình/chính sách giảm nghèo ở cấp quốc gia và địa phương.

7. Địa điểm thực hiện dự án: tại Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Kinh phí thực hiện:

8.1. Kinh phí từ Tổ chức phát triển Liên hiệp quốc - UNDP tài trợ: 372.484 USD, tương đương 7.961.845.500 đồng (tỷ giá 21.375 đồng/USD Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công thương Việt Nam ngày 03 tháng 3 năm 2015).

8.2. Vốn đối ứng (nguồn vốn ngân sách sự nghiệp của Thành phố): 603.000.000 đồng.

9. Cơ cấu nguồn vốn:

*Tỷ giá: 21.375 đồng*

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí	
		USD	VNĐ
<b>I. Vốn ODA</b>		<b>372.484</b>	<b>7.961.845.500</b>
1	<b>Thực hiện mục tiêu 1:</b> Các vấn đề nghèo đa chiều đô thị, đặc biệt nghèo trong bộ phận người di cư và người lao động khu vực phi chính thức được giám sát chặt chẽ và phân tích đều kỳ nhằm cung cấp thông tin đầu vào cho xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo và phát triển kinh tế-xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.	106.500	2.276.437.500
2	<b>Thực hiện mục tiêu 2:</b> Các vấn đề nghèo đa chiều đô thị, đặc biệt nghèo trong bộ phận	79.500	1.699.313.500

	người di cư và người lao động khu vực phi chính thức được giải quyết hiệu quả ở Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các chính sách giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội hiệu quả, sáng tạo và được xây dựng dựa trên thông tin đầu vào chính xác, minh bạch.		
3	<b>Thực hiện mục tiêu 3:</b> Kiến thức và kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh được công bố rộng rãi, nhân rộng và được sử dụng một cách hiệu quả phục vụ các chính sách/chương trình giảm nghèo ở cấp quốc gia, ở Thành phố Hà Nội và các Thành phố/đô thị khác.	83.000	1.774.124.000
4	Chi trả lương Văn phòng dự án và quản lý dự án.	67.484	1.442.470.500
5	Chi phí quản lý dự án.	36.000	769.500.000
<b>II. Vốn đối ứng (vốn ngân sách sự nghiệp của Thành phố)</b>			<b>603.000.000</b>
1	Phụ cấp lương Ban chỉ đạo và ban quản lý dự án		142.298.600
2	Điện		30.000.000
3	Vật tư văn phòng		12.000.000
4	Nghiệp vụ chuyên môn (photo, in ấn tài liệu)		1.181.400
5	Hội nghị và tập huấn		175.520.000
6	Thuê mướn (thuê văn phòng)		240.000.000
7	Chi khác		2.000.000

10. Cơ chế tài chính trong nước đối với kế hoạch hoạt động năm 2015:

a) Đối với vốn ODA: 372.484 USD, tương đương 7.961.845.500 đồng, viện trợ không hoàn lại từ Tổ chức Phát triển Liên Hiệp quốc (UNDP).

b) Đối với vốn đối ứng: 603.000.000 đồng, từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Thành phố (theo Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2014



của Ủy ban nhân dân Thành phố).

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ dự án trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: giai đoạn 2015 (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015, Kế hoạch hoạt động của dự án được Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố và UNDP Việt Nam phê duyệt vào ngày 10 tháng 02 năm 2015).

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2015 theo đúng các nội dung tiến độ đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và thành lập Ban quản lý dự án theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1844/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về hủy bỏ Điều 5 Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo  
Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014  
của Ủy ban nhân dân Thành phố**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm;

Thực hiện kết luận số 22/KL-TTr ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 872/GDĐT-TC ngày 31 tháng 3 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay hủy bỏ Điều 5 Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, giữ nguyên các nội dung khác tại Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở ngành Thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng